

Số: 16 /2018/QĐ-UBND

Long An, ngày 24 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường
của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải rắn và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 286/TTr-STNMT ngày 12/4/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các với các sở, ngành, các địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **14/5/2018** và thay thế Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 13/8/2013 của UBND tỉnh quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
 - BTV.TU, TT.HĐND tỉnh;
 - UB MTTQVN tỉnh và các Đoàn thể;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
 - Phòng KT, TH-KSTTHC;
 - Trung tâm tin học;
 - Lưu: VT, Quoc.
- 196_NHIEMVU CHI BVMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Trần Văn Cần

QUY ĐỊNH

**Nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường
của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Long An**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16/2018/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Long An)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Các dự án, đề án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm sử dụng kinh phí do ngân sách cấp cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường bảo đảm thực hiện đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm quyết toán đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời thực hiện công khai tài chính theo quy định hiện hành.

**Chương II
NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Điều 3. Nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường của ngân sách các cấp

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án bảo vệ môi trường tỉnh.

b) Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược

của tỉnh; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của tỉnh.

c) Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ quản lý theo quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); Xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường do tỉnh quản lý.

d) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của tỉnh (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của tỉnh.

đ) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường, thuộc nhiệm vụ của tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.

e) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:

- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do các cơ quan cấp tỉnh quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích, Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 5 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ;

- Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải);
- Các dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

g) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29/10/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

h) Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường tỉnh; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

i) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị-xã hội), bao gồm:

- Chi mua sắm: Nhà vệ sinh công cộng, Camera giám sát, dụng cụ quét dọn rác, thùng chứa rác sinh hoạt, xe đẩy tay thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, thùng chứa rác thải nông nghiệp (bao gồm dạng thùng và dạng xe đẩy), xe ép rác.

- Hỗ trợ vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công cộng.

k) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

l) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định;

m) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

n) Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi

trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thuộc trách nhiệm của tỉnh.

o) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm văn phòng phẩm, photo tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có).

p) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

q) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường.

r) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác, như:

- Thực hiện đầu tư các dự án, mô hình thí điểm về xử lý và bảo vệ môi trường:

+ Dự án mua sắm các trang thiết bị phục vụ quan trắc và phân tích môi trường.

+ Xây dựng, lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nước sông, không khí.

+ Hỗ trợ vệ sinh, nạo vét khai thông kênh, mương, cống, rãnh thoát nước bị ô nhiễm; Xây dựng và vận hành bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý chất thải đô thị do cơ quan cấp tỉnh quản lý.

+ Xây dựng, lắp đặt lò đốt rác cho các cụm, tuyến dân cư vượt lũ và những lò đốt bao bì thuốc bảo vệ thực vật cho vùng chuyên sản xuất nông nghiệp

+ Hỗ trợ xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật cho các điểm mô hình thu gom tập trung của các huyện.

+ Hỗ trợ vận hành các xưởng sản xuất phân compost thuộc công trình công cộng phục vụ quản lý chất thải.

- Chi trồng cây xanh bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan sinh thái phục vụ cho công tác tuyên truyền, vận động và truyền thông về bảo vệ môi trường vào các dịp lễ trồng cây, ngày môi trường thế giới.

- Quy hoạch về khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường nước mặt; Thực hiện các đề án, đề tài phục vụ cho công tác khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Thực hiện chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường giữa ngành tài nguyên và môi trường với các với các Sở, ban ngành, Mặt trận Tổ quốc các Tổ chức chính trị - xã hội, các Hội, Đoàn thể cùng cấp.

- Hỗ trợ vốn điều lệ cho Quỹ bảo vệ môi trường của tỉnh.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách các huyện, thị xã và thành phố (ghi tắt là ngân sách cấp huyện)

a) Thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường trên địa bàn cấp huyện.

b) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của huyện (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của huyện.

c) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.

d) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, kiểm tra, nghiệm thu dự án) gồm:

- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do các cơ quan cấp huyện quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường) thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích, Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 5 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ;

- Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại vận chuyển, xử lý và chôn lấp rác thải sinh hoạt;

- Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

đ) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng do các cơ quan cấp huyện quản lý; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom, rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư.

e) Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố các tổ chức chính trị-xã hội).

- g) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.
- h) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường.
- i) Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường cấp huyện.
- k) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan.
- l) Tuyên truyền, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường. Chi trồng cây xanh bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan sinh thái phục vụ cho công tác tuyên truyền, vận động và truyền thông về bảo vệ môi trường vào các dịp lễ trồng cây, ngày môi trường thế giới.
- m) Tập huấn, hội thảo, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và nhận thức về bảo vệ môi trường. Thực hiện các Chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường giữa ngành Tài nguyên và Môi trường với Mặt trận Tổ quốc, các Tổ chức chính trị - xã hội, các Hội, Đoàn thể cùng cấp.
- n) Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- o) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.
- p) Hoạt động điều tra, khảo sát thực địa, kiểm tra, xác nhận bản kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.
- q) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện.
- r) Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

3. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn (ghi tắt là ngân sách cấp xã)

- a) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã.
- b) Chi hỗ trợ công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn.
- c) Chi các hoạt động tổ chức tự quản về giữ gìn vệ sinh môi trường.
- d) Chi hỗ trợ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- đ) Chi quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng.

e) Kiểm tra, xác nhận bản kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền.

g) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

h) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã.

Điều 4. Mức chi:

1. Mức chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường thực hiện theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Quy định này quy định thêm một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Lập dự toán và chấp hành quyết toán kinh phí chi nhiệm vụ bảo vệ môi trường:

1. Lập dự toán và chấp hành quyết toán kinh phí chi nhiệm vụ bảo vệ môi trường:

Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có báo cáo kết quả và đánh giá việc sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường trong năm, đồng thời lập dự toán sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm tiếp theo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp dự toán chi sự nghiệp môi trường trên địa bàn toàn tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Tài chính căn cứ chỉ tiêu hướng dẫn chi sự nghiệp của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xác định tổng mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của ngân sách tỉnh hàng năm và phân bổ cụ thể ngân sách cấp huyện.

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi nhiệm vụ môi trường được thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hoặc cơ quan Trung ương ban hành văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan nội dung quy định này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các ngành đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Trần Văn Cần

PHỤ LỤC
MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16 /2018/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Long An)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:			
1.1	Lập nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1.000	
1.2	Lập dự án	Dự án	3.000	
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
	Chủ tịch Hội đồng	Người/ buổi	400	
	Thành viên, thư ký	Người /buổi	240	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/ buổi	120	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	250	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	400	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	40	
	- Tổ chức	Phiếu	80	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu	Người/ ngày công	Mức tiền công 01 người/ngày	

	(trường hợp thuê ngoài)		không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
4.4	Chi cho người dẫn đường	Người /ngày	80	<i>Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo		
	- Nhiệm vụ		4.000	
	- Dự án		10.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
	Chủ tịch Hội đồng	Người/ buổi	560	
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/ buổi	480	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/ buổi	240	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/ buổi	120	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	400	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	240	

	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	320	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)	Người/ buổi hội thảo		
	Người chủ trì		400	
	Thư ký hội thảo		240	
	Đại biểu được mời tham dự		120	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	300	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
	Chủ tịch hội đồng	Người/ buổi	320	
	Thành viên, thư ký		160	
8.2	Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng		560	
	Thành viên, thư ký hội đồng	Người/ buổi	320	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	320	
	Đại biểu được mời tham dự		120	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã			
9.1	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	Người/ tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-	

			CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang nhân với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	
9.2	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	Người/ tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	
10	Chi giải thưởng môi trường:			
	+ Tổ chức		6.000	
	+ Cá nhân		4.000	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Trần Văn Cần